**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN THẠNH PHÚ**
**TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày 26/11/2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Mứt

Ông Dương Văn Hai

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa:*** bà Lê Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2796/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

**Trần N**, sinh năm 1986, tại B; Nơi cư trú: ấp KP, xã Đ, huyện P, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Trần Văn B, sinh năm 1948 (chết) và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1946; Tiền án: không; Tiền sự: có 02 tiền sự: ngày 24/9/2017, Công an xã Đ, huyện P xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo quyết xử phạt hành chính số 23/QĐ-XPHC; ngày 26/7/2018, Công an xã Đ, huyện P xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái pháp chất ma túy, theo quyết xử phạt hành chính số 09/QĐ-XPHC. Bị cáo được điều tra tại ngoại. Bị cáo có mặt tại tòa.

**Đại diện hợp pháp cho bị cáo:** Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1946; nơi cư trú: ấp QM, xã Đ, huyện P, tỉnh B. Có mặt.

**Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Trần Nhật Long H – Văn phòng Luật sư HN – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. Có mặt.

**Bị hại:** Lê Thanh T, sinh năm 1982; nơi cư trú: số a, ấp KP, xã Đ, huyện P, tỉnh B. Có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Lê Thị T, sinh năm 1972; Trú tại: số b, ấp KP, xã Đ, huyện P, tỉnh B. Có mặt.

2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Trú tại: ấp KP, xã Đ, huyện P, tỉnh B. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/6/2019 vào lúc 15 giờ tại ấp KP, xã Đ, huyện P, tỉnh B, xuất phát từ mâu thuẫn từ trước nên Trần N gặp Lê Thanh T hai bên nói chuyện thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cự cãi, thách thức nhau. Trần N thấy con dao dài 52 cm, lưỡi dài 29 cm, bản rộng 7,5 cm, cán gỗ tròn của bà Nguyễn Thị L làm vườn để sau nhà. Trần N lấy dao đến chỗ Lê Thanh T ngồi trên võng, dùng tay phải cầm dao chém một nhát từ trên xuống, từ phải qua trái, trúng vào vùng đầu bên trái của bị hại T. Sau đó Nguyên tiếp tục chém tiếp T đưa tay đỡ nên bị thương ở tay. T đứng dậy bỏ chạy đến Công an xã và được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện P.

* Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 190-719/TgT ngày 19/7/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương ngang mặt sau cổ tay trái khoảng 06 cm x 05 cm, bờ không đều, đứt gân duỗi ngón I, II, III, IV, V, đứt gân duỗi cổ tay dài, ngắn, đứt gân duỗi cổ tay trụ, gãy mõm trâm trụ lộ xương vùng cổ tay, tụ nhiều máu bầm và dị vật dơ.

- Hiện:

Vết thương lành sẹo, kích thước 09 cm x 0,1 cm.

Vết mổ lành sẹo, kích thước 4,5 cm x 0,1 cm.

Bàn tay sấp, ngửa được, gập duỗi còn hạn chế.

Cảm giác bàn tay và các ngon tay bình thường, các ngón tay gấp duỗi còn hạn chế.

Vết thương vùng đỉnh đầu bên trái kích thước 10 cm x 02 cm, nham nhỡ, phức tạp, đứt mạch máu.

Hiện: Vết thương lành sẹo, kích thước 10 cm x 0,1cm.

- Xquang cẳng bàn tay trái: gãy đầu dưới xương trụ.

Cơ chế hình thành thương tích của Lê Thanh Tần do vật sắc nhọn gây ra.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 15%.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 501/KL-VPYTW ngày 16/9/2019 của Viện pháp y tâm thân Trung ương Bên Hòa kết luận:

Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện: Đương sự bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng chất kích thích (F15.71 – ICD.10)/Viêm gan siêu vi B.

Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi:

Tại thời điểm gây án: Đương sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Hiện nay: Đương sự đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 con dao dài 52 cm, cán bằng gỗ dài 23 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 29 cm, nơi rộng nhất 7,5 cm, nơi hẹp nhất 2,5 cm.

- 01 món kết màu đen, không rõ nhãn hiệu, phía bên phải của nón có một vếch rách dạng đường thẳng, dài 9,5 cm.

- 01 đôi dép quai kẹp nhãn hiệu ADIVE ★STAR★, màu đen – trắng – xanh, cỡ dép số 37;

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 06/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện P để xét xử đối với bị cáo Trần N về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại điểm a, i, khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của bị cáo bà Trần Thị Đ trình bày: Tôi là mẹ của N tại phiên tòa N trình bày là tự nguyện không bị ép cung. Tại phiên tòa thực hiện khách quan. Phần tiền bồi thường cho T là của tôi cho N bồi thường. Nay tôi không yêu cầu N trả lại.

Bị hại Lê Thanh T trình bày: Do trước đây tôi không biết nên không yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần và tiền bồi dưỡng sức khỏe. Nay tôi yêu cầu N tiếp tục bồi thường cho tôi tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng và tiền bồi dưỡng sức khỏe là 10.000.000 đồng. Trước đây tôi đã nhận tiền điều trị, tiền thuốc và tiền người nuôi bệnh. Về hình sự tôi yêu cầu tòa án xét xử giảm nhẹ cho bị cáo N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị T trình bày: Tôi là chị của Lê Thanh T, khi T điều trị tôi đã nuôi bệnh, tôi đã nhận tiền mất thu nhập xong. Nay tôi không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L trình bày: Con dao N chém T là của tôi để sau nhà, hằng ngày tôi dùng để chặt củi. Nay tôi không yêu cầu nhận lại.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần N từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 52 cm, cán bằng gỗ dài 23 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 29 cm, nơi rộng nhất 7,5 cm, nơi hẹp nhất 2,5 cm; 01 món kết màu đen, không rõ nhãn hiệu, phía bên phải của nón có một vết rách dạng đường thẳng, dài 9,5 cm; 01 đôi dép quai kẹp nhãn hiệu ADIVE ★STAR★, màu đen – trắng – xanh, cỡ dép số 37.

Về trách nhiệm dân sự: Chi phí điều trị và ăn uống 6.600.000 đồng, tiền xe chuyển viện 900.000 đồng, tiền xe đi tái khám 400.000 đồng, tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh 700.000 đồng. Tổng cộng 8.600.000 đồng bà Trần Thị Đ là mẹ bị cáo N đã thỏa thuận bồi thường xong. Tại tòa bị hại Lê Thanh T yêu cầu bị cáo N tiếp tục bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng là có căn cứ đề nghị tòa án chấp nhận, đối với yêu cầu bồi dưỡng sức khỏe 10.000.000 đồng do không có chứng cứ chứng minh đề nghị tòa án không chấp nhận.

*Lời bào chữa của Luật sư Trần Nhật Long H*: Tôi bào chữa cho bị cáo với tư cách trợ giúp pháp lý. Trước tiên tôi thống nhất truy tố về tội danh của Viện kiểm sát nhưng tôi đưa ra một số tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo N như sau: Bị cáo thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại T tiền thuốc, điều trị, tàu xe và mất thu nhập của người nuôi bệnh. Trong vụ án khi bị cáo gây án trong tình trạng bị hạn chế năng lực hành vi, bị hại T cũng có một phần lỗi, bị hại dùng lới nói thách thức bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết côn đồ của bị cáo theo truy tố của Viện kiểm sát. Tại phiên tòa bị hại có yêu cầu xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Từ những tình tiết trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, q, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần N mức án khởi điểm của khung hình phạt là 02 năm. Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa bị hại Lê Thanh T yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp tiền tổn thất tinh thần và tiền bồi dưỡng sức khỏe là 20.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tiền bồi dưỡng sức khỏe của bị hại, còn tiền tổn thất tinh thần đề nghị xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đồng ý bồi thường tiếp yêu cầu của bị hại T theo quyết định của tòa án, đề nghị tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về lao động để bồi thường cho bị hại.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần N thừa nhận vào ngày 04/6/2019 vào lúc 15 giờ, tại ấp KP, xã Đ, huyện P, tỉnh B do có mâu thuẫn từ trước nên giữa bị cáo Trần N và bị hại Lê Thanh T sau khi gặp nhau có lời qua tiếng lại nên cãi vã nhau. Bị cáo N dùng dao dài 52 cm, lưỡi dài 29 cm, bản rộng 7,5 cm, cán gỗ tròn của bà Nguyễn Thị L làm vườn để sau nhà. Trần N lấy dao đến chỗ Lê Thanh T ngồi trên võng chém nhiều nhát gây thương tích cho bị hại Lê Thanh T. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Trần N dùng dao là khung khí nguy hiểm, bị cáo N chém bị hại Lê Thanh T nhiều nhát liên tiếp và tư thế bị cáo Trần N đứng và bị hại T ngồi, khi đó bị hại Lê Thanh T không tự vệ được nên hành vi của bị cáo Trần N có tính côn đồ. Qua giám định tỷ lệ thương tật của Lê Thanh T là 15%. Hành vi của bị cáo Trần N đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2, Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trần N tác động bà Lê Thị Đ là mẹ của bị cáo bồi thường cho bị hại Lê Thanh T chi phí điều trị, ăn uống và mất thu nhập cho người nuôi bệnh. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về lượng hình: Trong quá trình điều tra bị cáo N có dấu hiệu tâm thần nên Cơ quan điều tra Công an huyện P ra quyết định trưng cầu giám định. Kết luận giám định tại Bệnh Viện tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận: Về y học:

Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi do sử dụng chất kích thích. Theo Điều 13 Bộ luật hình sự năm 2015 thì thuộc trường hợp phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo Trần N phải chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Trần N thực hiện hành vi của mình là cố ý trực tiếp và tội phạm đã hoàn thành. Bị cáo N đã đủ 18 tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo Trần N bản tính côn đồ, dùng hung khí nguy hiểm đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe bị hại Lê Thanh T. Mặt khác, còn làm mất tình hình trật tự trị an ở địa phương gây tâm lý lo lắng trong nhân dân. Mặc dù, bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ, bị cáo không có tiền án, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo Nguyên có 02 tiền sự về sử dụng trái phép chất ma túy. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo khỏi bên ngoài xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện giúp bị cáo học tập cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chi phí điều trị và ăn uống 6.600.000 đồng, tiền xe chuyển viện 900.000 đồng, tiền xe đi tái khám 400.000 đồng của bị hại Lê Thanh T, tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh 700.000 đồng. Tổng cộng 8.600.000 đồng bà Trần Thị Đ là mẹ bị cáo N đã thỏa thuận bồi thường xong, tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T không có yêu cầu gì khác nên không xem xét. Tại phiên tòa bị hại Lê Thanh T yêu cầu bị cáo Trần N tiếp tục bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 10.000.000 đồng, tiền bồi dưỡng sức khỏe 10.000.000 đồng. Xét thấy bị hại Lê Thanh T yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần là phù hợp nên chấp nhận. Đối với yêu cầu tiền bồi dưỡng sức khỏe xét thấy bị hại không cung cấp được chỉ định của bác sĩ hoặc của bệnh viện sau khi điều trị bị hại phải bồi dưỡng sức khỏe nên yêu cầu 10.000.000 đồng để bồi dưỡng sức khỏe của bị hại là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng và các tài sản khác: 01 con dao dài 52 cm, cán bằng gỗ dài 23 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 29 cm, nơi rộng nhất 7,5 cm, nơi hẹp nhất 2,5 cm là hung khí gây án bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy; 01 món kết màu đen, không rõ nhãn hiệu, phía bên phải của nón có một vếch rách dạng đường thẳng, dài 9,5 cm, 01 đôi dép quai kẹp nhãn hiệu ADIVE ★STAR★, màu đen – trắng – xanh, cỡ dép số 37 của bị hại Lê Thanh T, tại phiên tòa bị hại T không yêu cầu nhận lại. Tài sản đã qua sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự giá ngạch: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội bị cáo Trần N phải nộp án phí sơ thẩm là 200.000 đồng, án phí dân sự giá ngạch 500.000 đồng.

[8] Lời bào chữa của luật sư Trần Nhật Long H: Đề nghị của luật sư không áp dụng có tính chất côn đồ theo điểm i, khoản 1, Điều 134 Bộ luật hình sự và áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là phạm tội khi bị hạn chế năng lực hành vi theo điểm q, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, bị cáo Trần N lấy dao từ khoảng cách xa chạy đến chỗ bị hại Lê Thanh T ngồi trên võng và chém nhiều nhát vào người của bị hại nên hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ và bị cáo Trần N bị hạn chế năng lực hành vi là do dùng chất kích thích, theo Điều 13 Bộ luật hình sự nên không áp dụng điểm q, khoản 1, Điều 51 cho bị cáo. Do đó, đề nghị của luật sư không được chấp nhận. Còn các đề nghị khác phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9] Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị mức hình phạt, đề nghị xử lý vật chứng là thỏa đáng và phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần N phạm tội "Cố ý gây thương tích".

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các tài sản khác: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao dài 52 cm, cán bằng gỗ dài 23 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 29 cm, nơi rộng nhất 7,5 cm, nơi hẹp nhất 2,5 cm; 01 món kết màu đen, không rõ nhãn hiệu, phía bên phải của nón có một vết rách dạng đường thẳng, dài 9,5 cm; 01 đôi dép quai kẹp nhãn hiệu ADIVE ★STAR★, màu đen – trắng – xanh, cở dép số 37 (theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/11/2019).

3. Án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự giá ngạch: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Trần N phải nộp là 200.000 đồng, án phí dân sự giá ngạch bị cáo Trần N nộp 500.000 đồng.

4. Bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre 1b);
- Phòng HSNV CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng HSNV CA huyện P (1b);
- VKSND huyện P (1b);
- Chi Cục THADS huyện P (1b);
- UBND xã Đ (1b);
- Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (5b);
- Lưu: HS; VP; KTNV(5b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Hồng Thúy**